KẾT QUẢ PHÚC KHẢO MÔN CHUNG KỲ 1 NĂM HỌC 2020-2021

Môn thi: Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	23	K-405	2.5	2.0	Chấm rộng
2	24	K-405	5.0	4.5	Chấm rộng
3	101	K-408	1.0	1.0	

Môn thi: Đường Lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	48	K-202	6.0	6.0	
2	137	K-206	2.0	2.0	
3	259	K-606	4.0	4.0	
4	321	K-608	2.0	2.0	
5	333	K-608	3.0	3.0	
6	540	K-911	4.0	8.0	CB chấm thi vào sai điểm
7	609	K-1002	7.5	7.0	Chấm rộng
8	702	K-1005	7.5	7.5	
9	782	K-1102	3.0	3.5	Chấm sót ý
10	802	K-1103	6.0	6.5	Chấm sót ý
11	865	K-1105	4.0	4.5	Chấm sót ý

Môn thi: Lý luận dạy học

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	866	K-807	6.0	6.0	
2	2096	C-306	6.5	6.5	
3	2356	C-408	5.5	5.5	
4	2395	C-409	5.5	5.5	
5	2466	C-411B	5.0	5.0	

Môn thi: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	17	K-201	6.0	6.0	
2	86	K-204	4.0	4.5	Chấm chặt
3	247	K-304	8.0	8.0	
4	624	K-606	6.0	6.0	
5	637	K-606	5.0	5.0	
6	656	K-607	5.0	5.0	
7	728	K-608B	1.0	1.0	
8	740	K-609	5.0	5.0	
9	752	K-609	0.0	0.0	
10	776	K-803	3.0	3.0	
11	930	K-906	6.0	6.0	
12	1002	K-911	6.0	6.5	Chấm chặt
13	2025	K-201	5.0	5.0	
14	2051	K-202	4.0	4.5	Chấm chặt

15	2068	K-203	1.0	1.0	
16	2103	K-204	7.0	7.5	Chấm chặt
17	2214	K-303	6.0	6.0	
18	2364	K-404	3.0	3.0	
19	2464	K-408	4.0	3.5	Chấm rộng
20	2509	K-601	3.0	3.0	
21	2518	K-603	3.0	3.0	
22	2528	K-603	3.0	3.0	
23	2658	K-608	4.0	4.0	
24	2696	K-608B	5.0	5.0	
25	2742	K-803	5.0	5.5	Chấm chặt
26	2748	K-803	5.0	5.5	Chấm chặt
27	2880	K-904	5.0	5.0	
28	2930	K-909	6.0	6.0	

Môn thi: Cơ sở văn hóa Việt Nam

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	548	K-603	8.0	8.5	Chấm sót ý Câu 1
2	754	K-803	6.5	6.5	

Môn thi: Nhập môn Khoa học xã hội và nhân văn

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	166	K-301	6.5	7.0	Chấm sót ý Câu 1
2	278	K-401	7.0	7.0	
3	417	K-405	5.5	5.5	

Môn thi: Giáo dục học

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	38	K-202	8.0	8.5	Chấm sót ý
2	186	K-302	6.0	6.0	
3	212	K-303	7.0	7.0	
4	382	K-403	3.0	3.0	
5	383	K-403	2.0	2.0	
6	402	K-404	4.0	4.5	Chấm sót ý
7	410	K-404	5.0	5.0	
8	429	K-405	5.5	6.0	Chấm sót ý
9	434	K-405	3.5	4.0	Chấm sót ý
10	598	K-603	7.5	7.5	
11	620	K-603	5.5	6.0	Chấm sót ý
12	622	K-603	5.5	6.0	Chấm sót ý
13	625	K-604	3.0	3.5	Chấm sót ý
14	633	K-604	5.0	5.0	
15	664	K-605	5.0	5.0	
16	679	K-606	5.0	5.0	
17	680	K-606	7.0	7.0	
18	683	K-606	2.5	3.0	Chấm sót ý
19	822	K-803	6.5	6.5	

20	825	K-803	6.0	6.0	
21	942	K-901	2.5	2.5	
22	1058	K-910	6.0	6.0	
23	1060	K-910	7.5	7.5	
24	2004	C-304	5.0	5.5	Chấm sót ý
25	2006	C-304	7.0	7.5	Chấm sót ý
26	2014	C-304	5.0	5.0	
27	2102	C-306	5.5	6.0	Chấm sót ý
28	2106	C-306	6.5	6.5	
29	2109	C-306	6.0	6.0	
30	2121	C-306	6.5	6.5	
31	2183	C-309B	0.0	3.0	Sinh viên ghi sai Số báo danh
32	2336	C-405B	6.5	6.5	
33	2359	C-405B	6.0	6.0	
34	2404	C-408	7.5	7.5	
35	2429	C-408	8.0	8.0	
36	2494	C-411B	7.0	7.0	
37	2534	C-411B	4.0	4.0	
38	2536	C-411B	5.5	6.0	Chấm sót ý
39	2572	C-412B	7.0	7.0	
40	2586	C-412B	6.5	6.5	
41	2610	C-416	7.0	7.0	

Môn thi: Lịch sử văn minh thế giới

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	12	K-901	1.5	1.5	
2	34	K-904	1.0	1.5	Chấm chặt
3	65	K-906	0.5	0.5	
4	67	K-906	0.5	1.0	Chấm chặt
5	77	K-906	1.0	1.0	
6	83	K-909	1.0	1.0	
7	86	K-909	1.5	1.5	
8	100	K-909	0.5	0.5	
9	115	K-910	0.5	0.5	
10	124	K-910	1.0	1.0	
11	134	K-910	2.5	3.0	Chấm chặt
12	149	K-911	3.5	4.0	Chấm chặt
13	170	K-1001	0.5	1.0	Cộng sót điểm
14	179	K-1001	2.0	2.0	
15	200	K-1002	1.0	1.0	
16	222	K-1002	1.0	1.0	
17	231	K-1003	1.0	1.0	
18	251	K-1003	1.5	1.5	
19	261	K-1004	0.5	0.5	
20	267	K-1004	2.0	2.0	
21	275	K-1004	1.5	1.5	
22	279	K-1004	2.0	2.5	Chấm chặt

23	286	K-1005	1.0	1.0	
24	287	K-1005	1.0	1.0	
25	293	K-1005	0.5	0.5	
26	301	K-1005	1.0	1.0	
27	335	K-1006	0.5	0.5	
28	349	K-1101	1.5	1.5	
29	351	K-1101	1.0	1.0	
30	364	K-1101	1.0	1.0	
31	367	K-1102	1.0	1.0	
32	378	K-1102	0.5	0.5	
33	386	K-1102	0.5	0.5	
34	1051	K-202	1.5	1.5	
35	1138	K-206	5.0	5.0	
36	1140	K-206	6.0	6.5	Chấm sót ý
37	1143	K-206	0.5	0.5	
38	1147	K-206	2.0	2.0	
39	1352	K-608B	1.5	1.5	
40	1446	K-904	3.5	5.5	Cộng sót điểm
41	1449	K-904	3.5	4.0	Chấm sót ý
42	1484	K-909	5.0	5.0	
43	1533	K-910	3.5	4.0	Chấm chặt
44	1534	K-910	4.0	4.0	
45	1598	K-1002	1.0	2.0	Cộng sót điểm
46	1669	K-1005	4.0	4.0	
47	1698	K-1005	5.5	5.5	
48	1709	K-1006	2.5	3.0	Chấm sót ý
49	1770	K-1102	2.0	2.5	Cộng sót điểm
50	1807	K-1103	3.5	3.5	
51	2027	K-1105	4.5	4.5	

Môn thi: Tâm lí học giáo dục

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	13	K-201	6.0	7.0	Chấm sót ý
2	23	K-201	6.0	7.0	Chấm sót ý
3	30	K-202	6.0	7.0	Chấm sót ý
4	86	K-204	6.0	7.0	Chấm sót ý
5	100	K-204	4.0	4.5	Chấm sót ý
6	173	K-6.1	7.0	8.0	Chấm sót ý
7	265	K-605	5.5	5.5	
8	319	K-607	3.5	3.5	
9	344	K-608	6.5	7.0	Chấm sót ý
10	347	K-608	4.0	4.0	
11	353	K-608	3.5	3.5	
12	372	K-608	6.0	7.0	Chấm sót ý
13	444	K-803	7.5	8.0	Chấm sót ý
14	449	K-803	4.5	4.5	
15	688	K-911	7.0	8.0	Chấm sót ý

16	1047	K-1106	6.0	6.5	Chấm sót ý
17	1048	K-1106	6.0	7.5	Chấm sót ý
18	1053	K-1106	6.0	7.0	Chấm sót ý
19	1057	K-1106	6.0	7.0	Chấm sót ý
20	1064	K-1106	5.0	6.0	Chấm sót ý
21	1066	K-1106	4.0	5.0	Chấm sót ý
22	1068	K-1107	6.0	7.0	Chấm sót ý
23	1075	K-1107	3.0	4.0	Chấm sót ý
24	1076	K-1107	6.0	7.5	Chấm sót ý
25	1080	K-1107	6.0	7.0	Chấm sót ý
26	1084	K-1107	5.0	6.5	Chấm sót ý
27	1098	K-1107	4.5	5.0	Chấm sót ý
28	1105	K-1108	2.0	2.0	
29	1107	K-1108	2.5	3.0	Chấm sót ý
30	1108	K-1108	4.0	5.5	Chấm sót ý
31	1111	K-1108	6.0	6.5	Chấm sót ý
32	1112	K-1108	4.5	5.5	Chấm sót ý
33	2096	K-204	4.0	5.0	Chấm sót ý
34	2492	K-805	3.5	3.5	
35	2495	K-805	6.0	6.0	
36	2814	K-1005	2.0	2.0	
37	2841	K-1006	2.0	2.0	
38	2872	K-1101	1.5	4.5	CB chấm thi vào điểm sai
39	4003	K-201	5.5	5.5	
40	4004	K-201	5.5	5.5	
41	4190	K-601	6.0	6.0	
42	4517	K-807	4.5	4.5	
43	4625	K-909	5.0	5.0	
44	4627	K-909	3.0	3.0	
45	4641	K-909	3.0	3.5	Chấm sót ý
46	4645	K-909	5.0	6.5	Chấm sót ý
47	4647	K-909	3.0	3.0	
48	4667	K-910	3.0	3.0	
49	6002	K-201	5.0	6.5	Chấm sót ý
50	6016	K-201	5.0	5.5	Chấm sót ý
51	6223	K-604	4.5	4.5	
52	6230	K-604	4.0	4.5	Chấm sót ý
53	6336	K-608	2.5	2.5	
54	6398	K-608B	2.5	2.5	
55	6432	K-803	5.0	6.0	Chấm sót ý

Môn thi: Xã hội học đại cương

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	46	K-202	3.0	3.0	
2	122	K-205	7.5	8.0	Chấm sót ý
3	284	K-403	6.5	6.5	
4	635	K-904	7.0	7.0	

5	1024	K-201	1.0	1.0	
6	1363	K-601	1.0	1.0	
7	1592	K-901	2.0	2.0	

Môn thi: Tin học đại cương

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	49	K-504T	1.5	1.5	
2	230	K-503T	5.5	5.5	
3	322	K-507T	2.5	2.5	
4	444	K-504T	1.0	0.0	Chấm rộng
5	468	K-505T	2.0	2.0	
6	506	K-506T	4.0	4.0	

Môn thi: Triết học

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	96	k-204	0.0	0.0	
2	262	k-304	0.0	0.0	
3	1050	k-202	8.0	8.5	Chấm sót ý
4	1502	k-604	2.0	5.0	Chấm sót ý
5	1558	k-606	6.0	8.0	Chấm sót ý

Môn thi: Nhập môn KH Tự nhiên và Công nghệ

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	40	K-202	3.5	9.0	Chấm sót, cộng sót điểm
2	245	K-605	6.0	6.0	
3	301	k-607	7.0	9.0	Cộng sót điểm
4	491	k-904	8.0	8.0	